

Số: 18/2026/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 68/2026/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Đăng Minh H, sinh năm 1996, Căn cước công dân số: 026096000655 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 27/8/2022 và chị Phùng Thị T, sinh năm 1997, Căn cước công dân số: 026197001500 do Bộ C cấp ngày 08/7/2024. Điều cư trú: Thôn V, xã Hội Thịnh, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản thuận tình ly hôn, thoả thuận việc nuôi con khi ly hôn ngày 23 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 3 năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đăng Minh H và chị Phùng Thị T.

- Về con chung: Anh chị thống nhất thỏa thuận để chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Tâm Đ, sinh ngày 09/10/2022. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H, chị T thống nhất thỏa thuận anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T 5.000.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 3/2026 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh H và chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Thống nhất thỏa thuận anh Nguyễn Đăng Minh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000809 ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Anh H đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện KSND khu vực 9 – Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.
- UBND xã Tam Dương, tỉnh Phú Thọ (ĐKKH tại UBND xã Thanh Vân, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc cũ ngày 26/11/2021);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Đỗ Minh Ái